

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch, làm cơ sở để mua sắm hóa chất xét nghiệm tại Bệnh viện Mắt Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Nghệ An – Xóm 10, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Trần Văn Đức – Khoa Dược-Vật tư.

SĐT: 0911.44.2686.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Trần Văn Đức – Khoa Dược-Vật tư, Bệnh viện Mắt Nghệ An.

Xóm 10 - Xã Nghi Phú - TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An.

SĐT: 0911.44.2686.

- Hoặc qua email: dauthau.bvmatnghean@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 08h00 ngày 25/3/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa:

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase (AST/GOT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo: 7.15 - 500 U/L. THÀNH PHẦN A. Thuốc thử: Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362	2	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L Quy cách: 8x60ml+8x15mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.		
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase (ALT/GPT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo:8.5 - 500 U/L.THÀNH PHẦN A. Thuốc thử: Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3.B. Thuốc thử: NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L. Quy cách: 8x60ml+8x15mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	2	Hộp
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase;Dải đo:4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L).THÀNH PHẦN A. Thuốc thử. Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0. Quy cách: 10x60mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.Phương pháp:	1	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		<p>Glycerol phosphate oxidase/oxidase;Dải đo:0.067 - 6.78 mmol/L.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: đệm Pipes 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0.</p> <p>Quy cách: 10x60mL</p> <p>Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.</p>		
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người..Phương pháp: Glucose oxidase/oxidase;Dải đo:3.6 - 500 mg/dL (0.199 -27.5 mmol/L).THÀNH PHẦN A. Thuốc thử chứa: Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5.</p> <p>Quy cách: 10x60mL</p> <p>Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.</p>	2	Hộp
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea-BUN UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người..Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase;Dải đo:3.69 - 300 mg/dL.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease > 140 U/mL; glutamat dehydrogenase > 140 U/mL; ethylenglycol 220 g/L; natri azid 9,5 g/L; pH 8,0.B. Thuốc thử chứa: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.</p> <p>Quy cách: 8x60ml+8x15mL</p>	1	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.		
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người..Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED;Dải đo:0.04-20 mg/dL.THÀNH PHẦN A. Thuốc thử: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa.B. Thuốc thử: Acid picric 25 mmol/L. Quy cách: 5x60ml+5x60mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	2	Hộp
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người.. Dải đo: 1 - 150 mg/L, phương pháp đo: LATEX.THÀNH PHẦNThuốc thử A: Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6.Thuốc thử B: Hỗn dịch chứa các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L Quy cách: 1x40mL+1x10mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
9	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs.Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.THÀNH PHẦNCRP/CRP-hs Standard: Huyết thanh người Quy cách: 1x1mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
10	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1.Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.THÀNH PHẦNRheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL). Quy cách: 3x1mL	1	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.		
11	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2. Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người. THÀNH PHẦN Rheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL). Quy cách: 3x1mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
12	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN Biochemistry Calibrator (Human) chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước). Quy cách: 5x5mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
13	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước). Quy cách: 5x5mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
14	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. THÀNH PHẦN Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước). Quy cách: 5x5mL	1	Hộp

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.		
15	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy Thành phần thuốc thử: Natri hydroxyd 4%, Triton X-100 10%. Quy cách: 500mL Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
16	Bộ phận phản ứng	Vật liệu: Nhựa methacrylate Quy cách: 10units Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Hộp
17	Giếng đựng mẫu	Vật liệu: Nhựa methacrylate Quy cách: 1000units Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa máu BA200.	1	Túi
18	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu. THÀNH PHẦN: Natri clorid, Đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước khử ion;- Hạn dùng (chưa mở nắp): 36 tháng;- Hạn dùng (sau mở nắp): 120 ngày Quy cách: 20L Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Abacus 3CT.	1	Hộp
19	Hóa chất ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu. THÀNH PHẦN: Chất hoạt động bề mặt, Đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước khử ion.:- Hạn dùng (chưa mở nắp): 48 tháng;- Hạn dùng (sau mở nắp): 120 ngày Quy cách: 1L Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Abacus 3CT.	1	Bình
20	Dung dịch rửa máy thường quy cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch rửa máy thường quy cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu. THÀNH PHẦN: Chất tẩy rửa, Đệm, Chất bảo quản, Chất ổn định, Nước khử ion;- Hạn	1	Bình

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		dùng (chưa mở nắp): 48 tháng;- Hạn dùng (sau mở nắp): 120 ngày Quy cách: 1L Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Abacus 3CT.		
21	Dung dịch rửa máy hằng ngày cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch rửa chứa hypoclorit sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu. THÀNH PHẦN: Chất tẩy rửa, Natri hypoclorit, Natri hydroxid, Chất ổn định, Nước khử ion;- Hạn dùng (chưa mở nắp): 24 tháng;- Hạn dùng (sau mở nắp): 120 ngày Quy cách: 1L Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Abacus 3CT.	1	Bình
Tổng: 21 sản phẩm.				

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Mắt Nghệ An – Xóm 10, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An;

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Tạm ứng: Không áp dụng;

Thanh toán hợp đồng: trong vòng 90 ngày kể từ khi hai bên tiến hành nghiệm thu và nhà thầu cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán theo Luật định.

Kính mời các nhà cung ứng cung cấp báo giá và các tài liệu chứng minh đáp ứng kỹ thuật kèm theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- Lưu VT, KDVT.

GIÁM ĐỐC

Trần Tất Thắng